

HẠN MỨC GIAO DỊCH VÀ LÃI SUẤT ÜSUPER DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Theo QĐ số 95/2022/QĐĐi-TGD ngày 02/12/2022 của Tổng Giám Đốc

I. HẠN MỨC GIAO DỊCH

| | DỊCH VỤ | HẠN MỨC GIAO DỊCH | |
|-------------------------------------|---|--|--|
| | | Gói hạn mức cơ bản | Gói hạn mức nâng cao |
| 1. GHI CÓ | Nộp tiền tại quầy giao dịch của VPBank | Không giới hạn | Không giới hạn |
| | Nộp tiền tại máy nộp tiền (CDM) của VPBank thông qua phương thức sử dụng thẻ | Tối đa 100 triệu/giao dịch (tối đa 200 tờ/1 lần nộp) | Tối đa 100 triệu/giao dịch (tối đa 200 tờ/1 lần nộp) |
| | Nộp tiền qua thẻ ghi nợ nội địa | - Tối thiểu 10.000 đồng/giao dịch - Tối đa 100 triệu/giao dịch/ngày | - Tối thiểu 10.000 đồng/giao dịch - Tối đa 100 triệu/giao dịch/ngày |
| 2. GHI NỢ | | <i>Tổng hạn mức: Tối đa 50 triệu /tháng</i> | |
| 2.1 RÚT TIỀN | Rút tiền tại máy ATM của VPBank | Tối đa 30 triệu/giao dịch | Tối đa 30 triệu/giao dịch |
| | Rút tiền tại máy ATM của Ngân hàng khác | Theo quy định của Ngân hàng khác | Theo quy định của Ngân hàng khác |
| | Rút ngoại tệ tiền mặt tại nước ngoài | Không áp dụng | Theo quy định của đơn vị chấp nhận thẻ |
| | Rút tiền tại quầy giao dịch VPBank | Tối đa 50 triệu/giao dịch | Không giới hạn |
| 2.2 THANH TOÁN/ CHUYỂN KHOẢN | Thanh toán giao dịch thương mại điện tử | Tối đa 50 triệu/giao dịch | - Tối đa 100 triệu/giao dịch và - Tối đa 200 triệu/ngày |
| | Thanh toán tại máy POS | Tối đa 50 triệu/giao dịch | - Tối đa 200 triệu/ngày |
| | Chuyển khoản nội bộ Übank | Tối đa 50 triệu/giao dịch | Dưới 500 triệu/giao dịch/ngày |
| | Chuyển khoản để gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn cho chính chủ tài khoản tại Übank | Không giới hạn | Không giới hạn |
| | Chuyển khoản đến tài khoản thanh toán và thẻ tại VPBank (không phải Übank) | Tối đa 50 triệu/giao dịch | Dưới 500 triệu/giao dịch/ngày |
| | Chuyển khoản liên ngân hàng (trong hệ thống) | Tối đa 50 triệu/giao dịch | Tối đa 300 triệu/giao dịch/ngày |

| | DỊCH VỤ | HẠN MỨC GIAO DỊCH | |
|--|------------------------------|---|--|
| | | Gói hạn mức cơ bản | Gói hạn mức nâng cao |
| | NAPAS) | | |
| | Nạp tiền điện thoại | Tối đa 50 triệu/giao dịch | Không giới hạn |
| | Thanh toán hóa đơn | Tối đa 50 triệu/giao dịch | Không giới hạn |
| | Thanh toán quét mã QR-VietQR | Theo hạn mức chuyển khoản liên ngân hàng (trong hệ thống NAPAS) | |
| | Thanh toán quét mã QR-VNPay | Tối đa 50 triệu/giao dịch | Không giới hạn |
| | Thanh toán quốc tế | Không áp dụng | - Tối đa 100 triệu/giao dịch và - Tối đa 200 triệu/ngày |

II. LÃI SUẤT ỨSUPER

| | |
|---|----------|
| Tài khoản thanh toán Ứsuper | 0%/năm |
| Tài khoản tiền gửi có kỳ hạn Ứsuper (thời hạn 01 tháng) | 3,6%/năm |
| Tài khoản tiền gửi có kỳ hạn Ứsuper (thời hạn 01 tháng) áp dụng cho khách hàng sử dụng Gói tài khoản nhận lương theo Quy định số 34/2021 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế từng thời kỳ | 4,0%/năm |

Ghi chú:

- Gói hạn mức cơ bản: là gói hạn mức áp dụng cho:
 - Các KH được nhận biết bằng phương thức E-KYC khi đăng ký Tài khoản thanh toán Ứsuper, Tiền gửi có kỳ hạn Ứsuper, Thẻ ghi nợ Ứbank và Dịch vụ Ngân hàng điện tử Ứbank; đã ký Hợp đồng điện tử thành công và được VPBank cung cấp các sản phẩm, dịch vụ.
- Gói hạn mức nâng cao: là gói hạn mức áp dụng cho:
 - Các KH mới được nhận biết bằng phương thức E-KYC và nhận biết bổ sung thông qua phương thức **Video KYC hoặc DSA KYC** (có kết quả Video KYC/DSA KYC đáp ứng tiêu chuẩn KYC theo quy định), đã ký Hợp đồng điện tử thành công và được VPBank cung cấp các sản phẩm, dịch vụ Tài khoản thanh toán Ứsuper, Tiền gửi có kỳ hạn Ứsuper, Thẻ ghi nợ Ứbank và Dịch vụ Ngân hàng điện tử Ứbank khi đăng ký;
 - Các KH nhóm A đang sử dụng Gói hạn mức cơ bản và được nhận biết bổ sung thông qua phương thức **Video KYC hoặc DSA KYC** với kết quả đáp ứng tiêu chuẩn KYC theo quy định.
- Những điều kiện và điều khoản đối với các dịch vụ khác không có trong hạn mức giao dịch này sẽ được cung cấp khi có yêu cầu.
- VPBank có thể thay đổi hạn mức giao dịch mà không cần thông báo trước với KH, trừ khi có thỏa thuận khác.
- Mức lãi suất nêu trên có thể thay đổi tùy từng thời điểm.
- Theo Thông tư 04/2011/TT-NHNN ban hành ngày 10/03/2011, trong trường hợp rút tiền trước hạn đối với Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND, lãi suất tối đa sẽ bằng với mức lãi suất thấp nhất áp dụng cho tiền gửi không kỳ hạn tại thời điểm rút tiền trước thời hạn là 0%/năm.
- Lãi suất được tính trên cơ sở 365 ngày/năm
- Khách hàng có thể tra cứu Tiền gửi có kỳ hạn bằng cách điện thoại đến Tổng đài chăm sóc Khách

hàng theo số điện thoại 1900 2055 hoặc số điện thoại khác theo thông báo của VPBank từng thời kỳ hoặc đăng nhập vào ứng dụng Ubank trên điện thoại di động hoặc truy cập vào website chính thức của Ubank tại địa chỉ <https://www.ubank.vn>

➤ Đối với tiền gửi có kỳ hạn:

- Quy trình nhận và chi trả khoản tiền gửi có kỳ hạn sẽ được thực hiện thông qua tài khoản thanh toán của khách hàng.
- Thủ tục nhận, chi trả tiền gửi có kỳ hạn thực hiện bằng phương tiện điện tử.